TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Thanh Tuấn**

Ông **Danh Hưởng**

Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Bé** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Châu Đ**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp PTH, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

Bị đơn: Anh **Trần Hưng Đ**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp PTH, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(Các đương sự có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Châu Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện sống chung năm 2019, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện HD, tỉnh BL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/11/2019. Do vợ chồng sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm nên đã không sống chung từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và Đ có một người con chung tên là Trần Lê Gia H, sinh ngày 09/10/2020, hiện đang sống với chị Đ. Chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Hưng Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và thời gian không sống chung như chị Đ trình bày. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đ có một người con chung tên Trần Lê Gia H như chị Đ trình bày là đúng. Anh Đ không đồng ý yêu cầu nuôi con của chị Đ. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Trần Lê gia H, sinh ngày 09/10/2020 và anh Đ không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ thống nhất với chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL trình bày quan điểm*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Đ được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 09/10/2020 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Đ có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Châu Đ yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Trần Hưng Đ, anh Đ có địa chỉ tại huyện PL, tỉnh BL nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

[3] Về hôn nhân: Chị Đ và anh Đ thống nhất chị Đ, anh Đ chung sống vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện HD, tỉnh BL, do đó hôn nhân của chị Đ, anh Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Đ đồng ý ly hôn với chị Đ, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Châu Đ với anh Trần Hưng Đ.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị Đ và anh Đ thống nhất có một người con chung là Trần Lê Gia H, sinh ngày 09/10/2020, hiện đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nhưng anh Đ không đồng ý và anh Đ yêu cầu được nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Do cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 09/10/2020 chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không tiến hành lấy ý kiến của cháu H.

Anh Đ xác định có thu nhập từ việc cho thuê âm thanh ánh sáng khoảng 8.000.000đ/tháng, ngoài ra còn khoản thu nhập từ việc canh tác 01 hecta đất nông nghiệp thu nhập theo thời vụ khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng (tại đơn xác nhận thu nhập – BL 63).

Chị Đ xác định thu nhập từ việc may quần áo tại nhà khoảng 4.000.000đ/tháng và thu nhập từ việc ông Lê Văn Ngoan và bà Nguyễn Thị Tấn (là cha mẹ ruột chị Đ) cho sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản 14 công, chị Đ và cháu Gia H hiện tại được cha mẹ ruột chị cho sinh sống lâu dài trong căn nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố với đầy đủ tiện nghi mà không thu bất kỳ chi phí nào (tại đơn xin xác nhận đề ngày 07/4/2024 bút lục số 77 và 78).

Tuy nhiên, việc giao con cho chị Đ hay anh Đ nuôi dưỡng phải căn cứ về quyền lợi mọi mặt của con, mặc dù theo xác nhận của địa phương anh Đ có thu nhập cao hơn chị Đ, nhưng từ khi chị Đ anh Đ không còn chung sống chị Đ cũng có thu nhập ổn định, cháu H được chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, anh Đ cũng xác định từ khi không sống chung vợ chồng đến nay cháu H do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu H phát triển tốt, đồng thời chị Đ có nghề may tại nhà nên có điều kiện chăm sóc cháu H nhiều hơn, do đó để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định hiện tại cháu H nên cần giao cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 09/10/2020 cho chị Lê Thị Châu Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Hưng Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Đ và anh Đ thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Đ và anh Đ thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Châu Đ với anh Trần Hưng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 09/10/2020 cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Đ và anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Chị Lê Thị Châu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006513 ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PLnên được chuyển sang thu án phí. Anh Trần Hưng Đ không phải chịu án phí.

6. Chị Lê Thị Châu Đ và anh Trần Hưng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Như